

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 04-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đê và bà Phạm Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị Thái Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. *Có mặt*

2- **Bị đơn:** Anh Phan Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024 nguyên đơn là chị T trình bày:

Tháng 4/2023 chị T có hùn vốn làm ăn với anh C, nhưng sau đó làm ăn không hợp nên không làm chung nữa. Ngày 15/10/2023 anh C có làm bản cam kết trả cho chị T phần tiền hùn mua xe cuốc là 290.000.000 đồng, trả tiền vào ngày 15/12/2023 và trả thêm 02 tháng tiền chi phí, mỗi tháng 15.000.000 đồng. Sau đó mỗi tháng anh C có đưa tiền chi phí 15.000.000 đồng đến tháng 3/2024 thì ngưng. Từ tháng 4/2024

anh C không đưa tiền chi phí và cũng không trả tiền gốc. Đến ngày 21/6/2024 chị T phát hiện anh C bán xe cuốc nhưng không trả tiền. Nay yêu cầu anh C trả 290.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị T trình bày: Số tiền 290.000.000 đồng chị yêu cầu trong đó có tiền chuyển khoản thực tế là 192.000.000 đồng; còn lại 98.000.000 đồng là khi hùn làm ăn phát sinh lợi nhuận chia ra, anh C không đưa tiền mà giữ lại tiếp tục làm ăn. Khi không làm ăn chung nữa thì cộng lại vừa tiền đưa bằng hình thức chuyển khoản, vừa tiền lợi nhuận tổng cộng 290.000.000 đồng. Yêu cầu anh C trả 290.000.000 đồng như đã cam kết.

[2]- Anh Phan Văn C là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có lời trình bày.

[3] - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, chấp hành nội quy phiên tòa. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh C trả 290.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận góp tài sản, công sức để mua xe cuốc (robe) đi làm thuê cùng hưởng lợi; nay xảy ra tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”.

[2] Nội dung tranh chấp: Năm 2023 chị T và anh C có thỏa thuận góp tiền mua xe cuốc (rôbe) và phương tiện để đi múc đất thuê, cùng nhau hưởng lợi. Chị T có chuyển cho anh C số tiền 192.000.000 đồng. Trong thời gian làm ăn có lợi nhuận chị T được chia 98.000.000 đồng, số tiền lợi nhuận anh C chưa giao cho chị T. Khi không làm ăn chung nữa thì anh C có làm bản cam kết trong 02 tháng sẽ hoàn lại cho chị T 290.000.000 đồng, số tiền này xem như tiền hùn mua xe cuốc, nếu không trả được thì đồng ý cho chị T bán xe cuốc để lấy lại tiền. Nhưng đến nay anh C không trả tiền cho chị T nên chị T khởi kiện. Chị T có cung cấp tài liệu, chứng cứ là sao kê tin nhắn các lần chuyển tiền cho anh C và bản cam kết ngày 15/10/2023.

Anh C đã được Tòa án thông báo về việc chị T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 290.000.000 đồng, nhưng anh C không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa là tự đánh mất quyền lợi của anh C.

Chị T khởi kiện có cung cấp tài liệu chứng cứ, anh C không có ý kiến phản bác nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem đây là tình tiết, sự kiện có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh C trả số tiền 290.000.000 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đương sự chịu án phí như sau: Yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không chịu án phí, chị T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu. Anh C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả tiền là $290.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 14.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 468, 504, 507, 512 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Thái Thị T. Buộc anh Phan Văn C trả cho chị Thái Thị T số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

- Buộc anh Phan Văn C chịu tiền án phí sơ thẩm là 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho chị Thái Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn là chị T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận